

Số: 1409913

|                                            | Kia Sorento - 2.2D Signature (7 chỗ) Nội thất đen | Kia Carnival 2.2D Luxury (8 chỗ) |
|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.119.000.000đ</b>                             | <b>1.189.000.000đ</b>            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                   |                                  |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                                | 5155 x 1995 x 1775               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                              | 3090                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                              | 5800                             |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                               | 172                              |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1890   1860                                       | 2070                             |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2430   2490                                       | 2790                             |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                               | 1139 - 4110                      |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                                | 72                               |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                                 | 8                                |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                  | SX-LR trong nước                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                   |                                  |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                  | Smartstream D2.2                 |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                              | 2151                             |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                                          | 199 / 3800                       |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750                                     | 440 / 1750-2750                  |
| Hộp số                                     | 8-DCT                                             | 8AT                              |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                                       | Cầu trước (FWD)                  |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                         | Mc Pherson                       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                  | Liên kết đa điểm                 |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                               | Đĩa                              |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                               | Đĩa                              |
| Thông số lốp xe                            | 235/55R19                                         | 235/55 R19                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.4                                               | 7.8                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.3                                               | 5.7                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.1                                               | 6.5                              |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                           | Normal/Eco/Sport/Smart           |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand/Terrain Mode                        |                                  |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                   |                                  |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                     | LED Projector                    |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                                 |                                  |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                 | ●                                |
| Đèn sương mù                               | LED                                               |                                  |
| Cụm đèn sau                                | LED                                               | Halogen                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                 | ●                                |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                 |                                  |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                 |                                  |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                   |                                  |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                 | ●                                |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                | Da                               |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                 | ●                                |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                 |                                  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                                 |                                  |

|                                     |                                |       |
|-------------------------------------|--------------------------------|-------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng) |       |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi    | ●                              |       |
| Kính cửa sổ chỉnh điện              | ●                              | ●     |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin       | 12.3"                          | 4.2   |
| Màn hình HUD                        | ●                              |       |
| Màn hình giải trí trung tâm         | AVN 10.25"                     | 12.3  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto  | ●                              | ●     |
| Hệ thống điều hòa tự động           | ●                              | ●     |
| Số vùng khí hậu điều hòa            | 2 vùng                         | 3     |
| Cửa gió cho hàng ghế sau            | ●                              | ●     |
| Chìa khóa thông minh                | ●                              | ●     |
| Khởi động nút bấm                   | ●                              | ●     |
| Khởi động từ xa                     | ●                              | ●     |
| Hệ thống âm thanh                   | 12 loa Bose                    | 6 loa |
| Lấy chuyển số                       | ●                              |       |
| Sạc không dây Qi                    | ●                              |       |
| Phanh đỗ điện tử                    | ●                              | ●     |
| Giữ phanh tự động Autohold          | ●                              | ●     |
| Đèn trang trí nội thất              | ●                              |       |
| Rèm che nắng                        | ●                              |       |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX          | -                              | ●     |

**AN TOÀN:**

|                                          |                                              |     |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|-----|
| Số túi khí                               | 6                                            | 7   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                            | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                            | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                            | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                            | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                            | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm             | ●                                            |     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                  | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) |     |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                            |     |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                            |     |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                            |     |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                            | ●   |
| Camera lùi                               | Camera 360                                   | ●   |